



# PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

[www.pioneershipbrokers.com.vn](http://www.pioneershipbrokers.com.vn)

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS** và **Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

## TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 06/2025

(04/02/2025 – 10/02/2025)

### 1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÁ QUA SỬ DỤNG:

Sau khi Mỹ tuyên bố sẽ áp thuế nhập khẩu 25% lên Canada và Mexico (hiện quyết định này đang bị đình chỉ đến tháng 3), áp thuế nhập khẩu bổ sung thêm 10% đối với Trung Quốc thì quốc gia tỷ dân này cũng nhanh chóng thực hiện trả đũa. Cụ thể Trung Quốc áp thuế nhập khẩu 15% đối với sản phẩm than đá và LNG của Mỹ, 10% đối với dầu thô, máy móc nông nghiệp và động cơ xe con cỡ lớn. Nhìn chung, khi căng thẳng thương mại leo thang, các doanh nghiệp và người tiêu dùng đều phải đối mặt với biến động thị trường kéo dài, giá cả tăng... Các biện pháp trừng phạt và áp thuế đột ngột nào cũng có thể làm gián đoạn dòng chảy hàng hóa, ảnh hưởng đến cán cân cung-cầu.

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI tăng nhẹ 7,4%, hiện ở mức 809 điểm. Các quốc gia châu Á đã kết thúc những ngày Tết âm lịch nên thị trường đang ấm trở lại, nhiều hợp đồng thuê tàu nhanh chóng được ký kết. Tổng quan chỉ số thuê tàu các phân khúc tuần thay đổi như sau: Capesize tiếp tục giảm thêm 4%, Panamax và Supramax tăng đồng thời 14%, Handysize tăng trở lại 9% (sau khi giảm liên tiếp 2,5 tháng). Song hoạt động mua bán tàu tuần qua tương đối trầm lắng. Giá tàu Panamax tiếp tục xu hướng giảm nhẹ. Ở phân khúc Supramax, tàu **Glovis Mermaid** (55.705 dwt, đóng 2012 Hàn Quốc, DD 08/2025, SS 08/2027) về tay Người mua Ấn Độ với giá khoảng 17 triệu đô la Mỹ. Mức này khá cao so với thị trường hiện nay do chủ tàu Hy Lạp bảo quản tàu tương đối tốt. Một tàu 5 vạn khác là **River Globe** (53.627 dwt, đóng 2007 Trung Quốc, DD 08/2025, SS 08/2027) cũng được bán thành công với giá khoảng 8,5 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc Handysize, chủ tàu Anh chốt tàu **Unity North** (37.614 dwt, đóng 2015 Nhật, hạn đà DD/SS 4/2025) cho Người mua Hy Lạp với giá khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ. Mức này sẽ thiết lập mặt bằng tham chiếu mới cho các tàu 37k dwt xung quanh 10 tuổi đóng Nhật trong thời gian tới.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) đang duy trì ổn định tăng nhẹ 0,11% còn chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) tiếp tục giảm thêm 5,59%. Các giao dịch mua bán tàu VLCC và Aframax diễn ra mạnh mẽ trong tuần qua do giá phần nào “ổn định” và dễ thương lượng hơn trước. Ở phân khúc MR, tàu pumproom **Jag Pooja** (48.539 dwt, đóng 2005 Nhật, DD 08/2026, SS 08/2028) được chủ tàu Ấn Độ chốt với giá khoảng 12 triệu đô la Mỹ. Các tàu tương tự cũng đóng Nhật trên thị trường không nhiều, giá này cũng khá mềm và giao dịch gần nhất là tàu chị em già hơn một tuổi **Jag Pranam** (48.694 dwt, đóng 2004 Nhật, DD 12/2025, SS 12/2027) được chủ tàu bán với giá khoảng 14,5 triệu đô la Mỹ tháng 5/2024.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
<b>BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS</b>						
<b>Cape Heron</b>	2005	Japan	177,656	30.00	Chinese	BWTS fitted, DD/SS due 05/2025
<b>Cape Hawk</b>	2006	Japan	176,996			BWTS fitted, DD due 03/2025, SS 10/2026
<b>Sentosa Challenger</b>	2020	Japan	81,601	32.00	Undisclosed	BWTS fitted, eco M/E, DD/SS due 04/2025
<b>Rose</b>	2008	Japan	76,619	10.80	Chinese	BWTS fitted, DD 04/2026, SS 04/2028
<b>Glovis Mermaid</b>	2012	Korea	55,705	17.00	Indian	BWTS fitted, DD 09/2025, SS 07/2027
<b>River Globe</b>	2007	China	53,627	8.50	Undisclosed	M/E Man-B&W (made in Korea), DD 08/2025, SS 08/2027
<b>Unity North</b>	2015	Japan	37,614	16.50	Greek	BWTS fitted, semi boxed, eco M/E, DD/SS due 04/2025, UK-based owners
<b>Dagat</b>	2010	Japan	12,253	7.00	Undisclosed	Tweendecker, 66 teu, BWTS fitted, DD/SS 09/2025, Japanese owners
<b>TANKERS</b>						
<b>FPMC C Intelligence</b>	2010	Japan	301,861	High 40	Chinese	Scrubber fitted, M/E Wartsila, DD/SS due 04/2025
<b>Alraya</b>	2005	Japan	300,390	40.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 03/2027, SS 03/2029
<b>Loggam</b>	2003	Korea	299,996	31.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 04/2026, SS 01/2028
<b>Jiaolong Spirit</b>	2009	China	159,021	35.00	Greek	BWTS fitted, DD 06/2027, SS 05/2029
<b>Dilong Spirit</b>	2009	China	159,021	35.00		BWTS fitted, DD/SS due 02/2025
<b>Shenlong Spirit</b>	2009	China	159,021	35.00		BWTS fitted, DD 08/2027, SS 09/2029
<b>Tianlong Spirit</b>	2009	China	159,021	35.00		BWTS fitted, DD 11/2026, SS 01/2029
<b>Luggati</b>	2004	Korea	115,048	28.00	Undisclosed	BWTS fitted, SS 05/2029
<b>Ocean Phoenix</b>	2007	China	108,940	29.20	Undisclosed	BWTS fitted, DD 11/2025, SS 10/2027
<b>Nemo</b>	2008	Japan	105,773	37.50	Chinese	DD 08/2026, SS 03/2028

<b>Jag Pooja</b>	2005	Japan	48,539	12.00	Undisclosed	BWTS fitted, ice class II, DD 08/2026, SS 08/2028, Indian owners
<b>Sunny Star</b>	2010	Korea	37,857	17.50	Chemnav	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD/SS due 05/2025
<b>Alma Marine</b>	2010	China	9,057	8.50	Turkish	Chemical IMO II, marineline coated, M/E Man-B&W
<b>CONTAINERS</b>						
<b>Cape Monterey</b>	2015	China	25,329	35.00	CMA CGM	2190 teu, BWTS fitted, DD/SS due 01/2025
<b>Delphis Gdansk</b>	2017	Korea	24,750	30.10		1924 teu, BWTS fitted, ice class 1A, DD/SS 01/2027
<b>Delphis Bothnia</b>	2016	Korea	24,700	29.61		1924 teu, BWTS fitted, ice class 1A, DD/SS 08/2026
<b>Delphis Riga</b>	2017	Korea	24,700	30.55	CMA CGM	1924 teu, BWTS fitted, ice class 1A, DD/SS 03/2027
<b>Delphis Finland</b>	2017	Korea	24,413	29.94		1924 teu, BWTS fitted, ice class 1A, DD/SS 11/2026

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm	Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		01/2025	1M	3M	6M	12M				01/2025	1M	3M	6M	12M	
<b>CAPE SIZE</b>							<b>VLCC</b>								
180k dwt	Resale	75.50	0%	-2%	-1%	5%	59.50	310k dwt	Resale	148.00	-1%	-1%	2%	7%	111.75
180k dwt	5 tuổi	62.00	0%	-3%	-2%	13%	43.50	310k dwt	5 tuổi	114.00	0%	-2%	0%	5%	85.00
170k dwt	10 tuổi	43.00	0%	-4%	-3%	19%	30.50	250k dwt	10 tuổi	85.00	0%	-1%	1%	8%	60.50
150k dwt	15 tuổi	27.00	2%	-5%	-7%	13%	19.50	250k dwt	15 tuổi	54.00	0%	-4%	-6%	-4%	43.50
<b>PANAMAX</b>							<b>SUEZMAX</b>								
82k dwt	Resale	39.00	-3%	-5%	-9%	-4%	36.75	160k dwt	Resale	96.00	-1%	-3%	-3%	-1%	77.50
82k dwt	5 tuổi	33.00	-3%	-8%	-13%	-6%	30.25	150k dwt	5 tuổi	76.00	-1%	-5%	-8%	-7%	59.75
76k dwt	10 tuổi	24.50	0%	-3%	-16%	-8%	21.00	150k dwt	10 tuổi	58.00	-3%	-11%	-14%	-11%	44.25
74k dwt	15 tuổi	14.50	-5%	-11%	-24%	-12%	14.00	150k dwt	15 tuổi	41.00	-9%	-12%	-13%	-5%	28.50
<b>SUPRAMAX</b>							<b>AFRAMAX</b>								
62k dwt	Resale	37.00	-5%	-10%	-11%	-3%	34.50	110k dwt	Resale	79.00	-4%	-7%	-7%	-5%	64.75
58k dwt	5 tuổi	30.50	-6%	-15%	-16%	-3%	25.75	110k dwt	5 tuổi	64.00	-4%	-9%	-11%	-11%	50.75
56k dwt	10 tuổi	22.00	-5%	-12%	-21%	-14%	18.75	105k dwt	10 tuổi	51.50	-1%	-10%	-13%	-10%	37.50
52k dwt	15 tuổi	14.50	-2%	-9%	-12%	-6%	12.75	105k dwt	15 tuổi	35.00	-5%	-13%	-15%	-8%	24.75
<b>HANDYSIZE</b>							<b>MR</b>								
37k dwt	Resale	33.00	-4%	-4%	-4%	-3%	28.75	52k dwt	Resale	51.00	-2%	-11%	-6%	-5%	44.25
37k dwt	5 tuổi	25.50	-3%	-7%	-9%	-7%	22.50	52k dwt	5 tuổi	41.00	-2%	-13%	-13%	-10%	35.00
32k dwt	10 tuổi	17.00	-11%	-15%	-17%	-8%	15.00	45k dwt	10 tuổi	31.00	-3%	-16%	-19%	-16%	25.25
28k dwt	15 tuổi	11.00	-8%	-12%	-15%	-12%	9.50	45k dwt	15 tuổi	21.50	0%	-17%	-23%	-19%	17.00

## 2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Container	16,800 teu	200.00	6	Hanwha Ocean	Hapag Lloyd	Late 2027	Price per unit, LNG dual fuel propulsion
Container	11,400 teu	140.00	6+4	Zhoushan Changhong	TMS Group	Q4 2027 – Q4 2028	Price per unit, LNG dual fuel propulsion

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	01/2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	75.0	-1.32%	-1.96%	4.17%	13.64%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	-10.84%	-12.94%	-12.94%	-9.76%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	-10.39%	-11.54%	-11.54%	-9.76%
Handysize (37.000 dwt)	30.5	-10.29%	-11.59%	-11.59%	-7.58%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	01/2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	129.0	-0.78%	-0.39%	-1.54%	0.00%
Suezmax (170.000 dwt)	90.00	0.00%	0.00%	1.12%	5.26%
A.max (115.000 dwt)	75.0	0.00%	0.00%	1.35%	8.70%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	0.00%	1.96%	9.47%

## 3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

### 3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

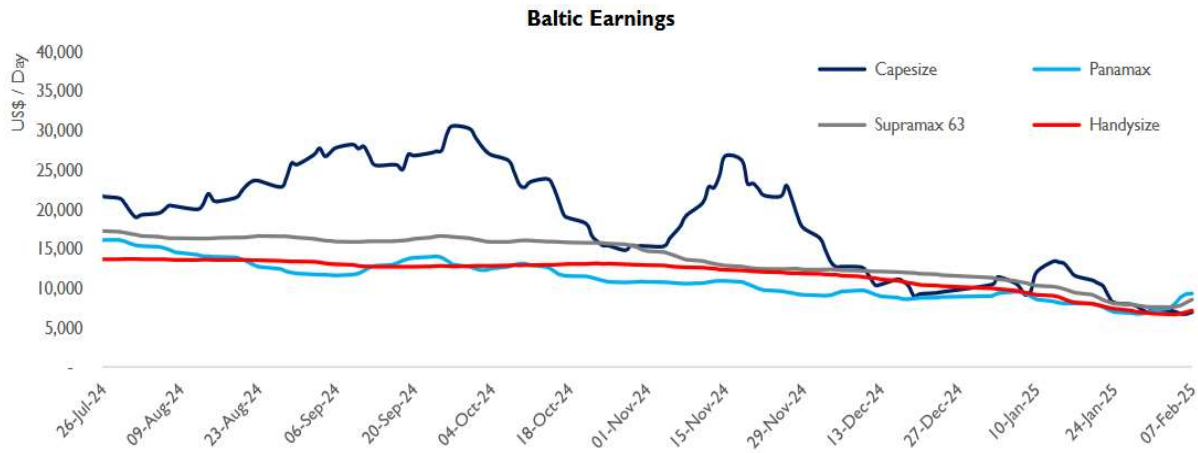
Thị trường phân khúc **Supramax** tuần qua có nhiều biến động, cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 8.553 đô la Mỹ, tăng 925 đô la Mỹ so với mức 7.628 đô la Mỹ của tuần trước. Nhìn chung, thị trường vẫn diễn biến chậm chạp nhưng xuất hiện dấu hiệu khả quan hơn. Ở phía Tây, Nam Đại Tây Dương cho thấy khả năng phục hồi với mức cước bắt đầu tăng dần, Continent và Địa Trung Hải vẫn không có nhiều nhu cầu thuê mới, tuy nhiên vẫn ghi nhận một vài chuyến tàu. Sau một khởi đầu yên tĩnh, thị trường Thái Bình Dương dần nhộn nhịp hơn sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán với nhiều nhu cầu thuê. Những người thuê chốt trước kỳ nghỉ hện có thể gặp khó khăn với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường hiện tại. Ở Ấn Độ Dương, thị trường dường như chậm đậy, cước hiện đang được thảo luận ở mức cao hơn.

Tâm lý thị trường **Handies** tuần qua đã cải thiện, cước các hợp đồng định hạn 6 đến 12 tháng tăng khoảng 500 đô la Mỹ vào đầu tuần. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 7.164 đô la Mỹ, tăng 384 đô la Mỹ so với mức 6.780 đô la Mỹ của tuần trước. Dù vậy, thị trường thuê ngắn hạn vẫn đang diễn ra chậm rãi. Nhiều sự quan tâm đến mảng thuê định hạn, mặc dù các người thuê tàu vẫn yêu cầu chia nhỏ cước để giảm bớt áp lực cho chặng đầu tiên, chủ yếu đối với các chuyến hàng xuyên Đại Tây Dương xuất phát từ Continent-Địa Trung Hải. Ở Thái Bình Dương, mặc dù hoạt động diễn ra chậm vào đầu tuần, nhưng đã tăng lên vào cuối tuần. Hầu hết các bên liên quan trở lại làm việc sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán, cước được đàm phán quanh mức tuần trước nhưng các chủ tàu một mực từ chối. Nhìn chung, thị trường Châu Á cho thấy những dấu hiệu phục hồi với lượng tàu đường như đang giảm ở khu vực Bắc Trung Quốc, cước thuê tàu định hạn tăng ở Đông Nam Á, nơi được thúc đẩy bởi nhu cầu thuê tàu ở Úc ngày càng tăng.

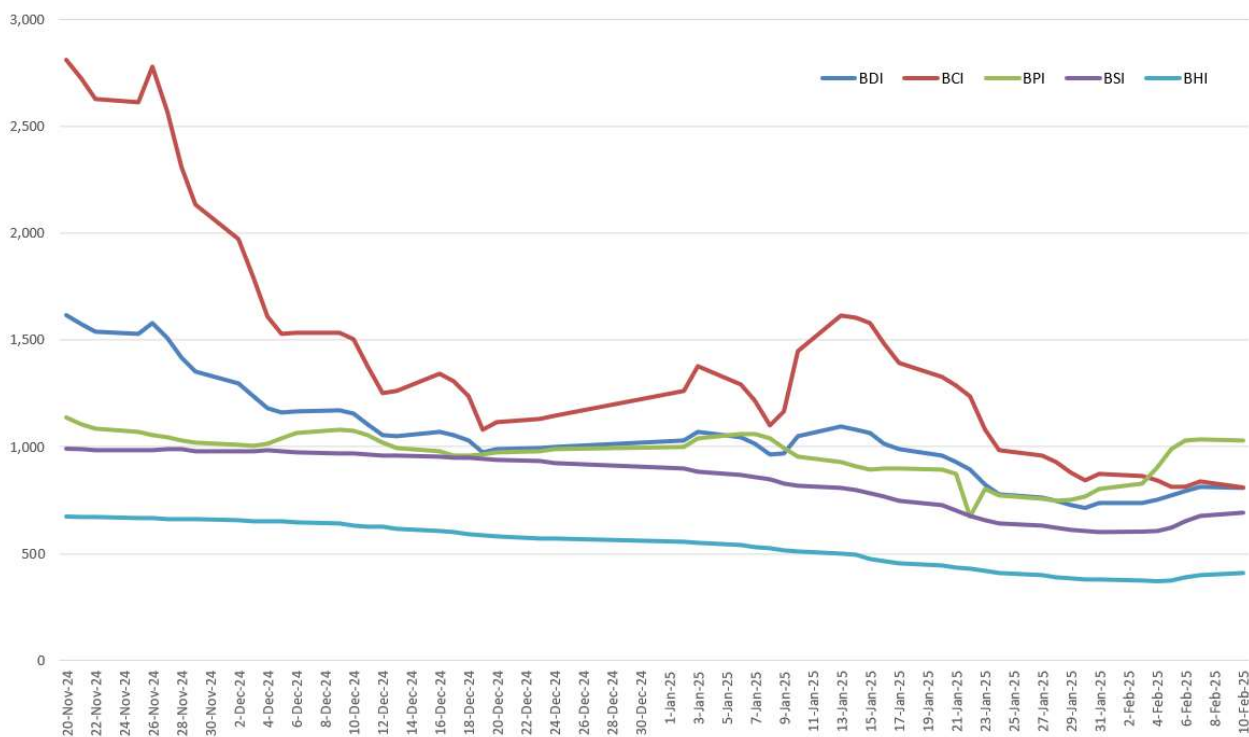
### GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 10/02/2025

	US\$/ngày	
SUPRAMAX	6,519 ▲	925
HANDIES 38K	7,164 ▲	384

(so sánh với giá trị ngày 03/02/2025)



## CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



### 3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô WTI giao dịch ở ngưỡng 72,4 đô la Mỹ/thùng - tăng 0,11% so với phiên trước đó. Trong khi, giá dầu Brent dừng lại ở mức 75,87 đô la Mỹ/thùng - tăng 1,62%. Kết thúc phiên giao dịch đầu tiên của tuần, giá dầu tăng gần 2%, kéo dài đà tăng từ phiên giao dịch cuối tuần trước. Ghi nhận Trung Quốc hiện phải chịu mức thuế bổ sung 10% đối với tất cả hàng xuất khẩu sang Mỹ. Đáp trả ngay lập tức, Chính phủ Trung Quốc tuyên bố sẽ tăng thuế đối với một loạt mặt hàng của Mỹ, bao gồm dầu thô và các sản phẩm nông nghiệp. Sản lượng dầu thô của Nga đã giảm xuống còn 8,962 triệu thùng/ngày vào tháng 1, thấp hơn 16.000 thùng/ngày so với mục tiêu theo thỏa thuận cung cấp của OPEC+. Nga đã cam kết sẽ đệ trình một lịch trình cập nhật về việc cắt giảm sản lượng dầu để bù đắp cho tình trạng khai thác quá mức trong quá khứ, mặc dù chưa có lịch trình nào được công bố.

### 3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<p><b>Phân khúc tàu VLCC</b></p>	<p>Mặc dù thị trường có phần trầm lắng hơn do tiếp tục xu hướng của kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán kéo dài, nhưng cước ở khu vực Trung Đông vẫn khá ổn định, tuy có giảm nhẹ so với đầu tuần. Đơn cử, lô hàng cho tuyến MEG/China đã được chốt ở mức WS 67. Điều này xuất phát từ việc các tàu dần có xu hướng chuyển từ đông sang Tây Suez, nguyên nhân do nhu cầu gia tăng ở khu vực Đại Tây Dương. Tại khu vực Đại Tây Dương, cước trên tuyến WAFR/China đã giảm xuống mức WS 68 sau khi trải qua đầu tuần vô cùng nhộn nhịp.</p> <table border="1" data-bbox="526 436 1463 695"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Trung Quốc</td> <td>38.973</td> <td>46.392</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>USG/Trung Quốc</td> <td>45.316</td> <td>46.109</td> <td>↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Trung Quốc	38.973	46.392	↑	USG/Trung Quốc	45.316	46.109	↑
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước										
Trung Đông/ Trung Quốc	38.973	46.392	↑										
USG/Trung Quốc	45.316	46.109	↑										
<p><b>Phân khúc tàu Suezmax</b></p>	<p>Cước cho phân khúc Suezmax vẫn duy trì các dấu hiệu tích cực trong tuần này, đặc biệt tại thị trường Tây Phi. Giống như xu hướng của phân khúc tàu VLCC, các nhu cầu đã dần phục hồi ở khu vực Tây Suez, đặc biệt tại thị trường Đại Tây Dương. Đơn cử, cước cho các lô hàng của tuyến Nigeria/UKC hiện tăng lên mức WS 94, cùng với xu hướng đó cước cho tuyến Guyana/UKC hiện cũng ở mức WS 88 – tăng 10 điểm so với tuần trước.</p> <table border="1" data-bbox="526 968 1463 1247"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tây Phi / Cont</td> <td>34.455</td> <td>39.271</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>Guyana / UKC</td> <td>28.095</td> <td>35.319</td> <td>↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	34.455	39.271	↑	Guyana / UKC	28.095	35.319	↑
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước										
Tây Phi / Cont	34.455	39.271	↑										
Guyana / UKC	28.095	35.319	↑										

<b>Phân khúc tàu Aframax</b>	Thị trường phân khúc Aframax có dấu hiệu không mấy khả quan so với hai phân khúc nói trên. Tại khu vực Trung Đông, thị trường vừa trải qua một tuần khá khó khăn khi chứng kiến mức cước có phần giảm nhẹ do kì nghỉ Tết kéo dài dẫn đến trì trệ các hoạt động giao dịch tại khu vực Trung Đông và Châu Á. Tuy nhiên, thị trường Địa Trung Hải có sự cải thiện nhẹ, với cước cho lô hàng của tuyến Ceyhan/Lavera hiện ở mức WS 128 – tăng 10 điểm so với tuần trước.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	19.977	26.652	↑
	Med / Med	27.671	34.473	↑
	USG / Cont	26.775	28.705	↑
EC Mex / USG	20.924	17.587	↓	

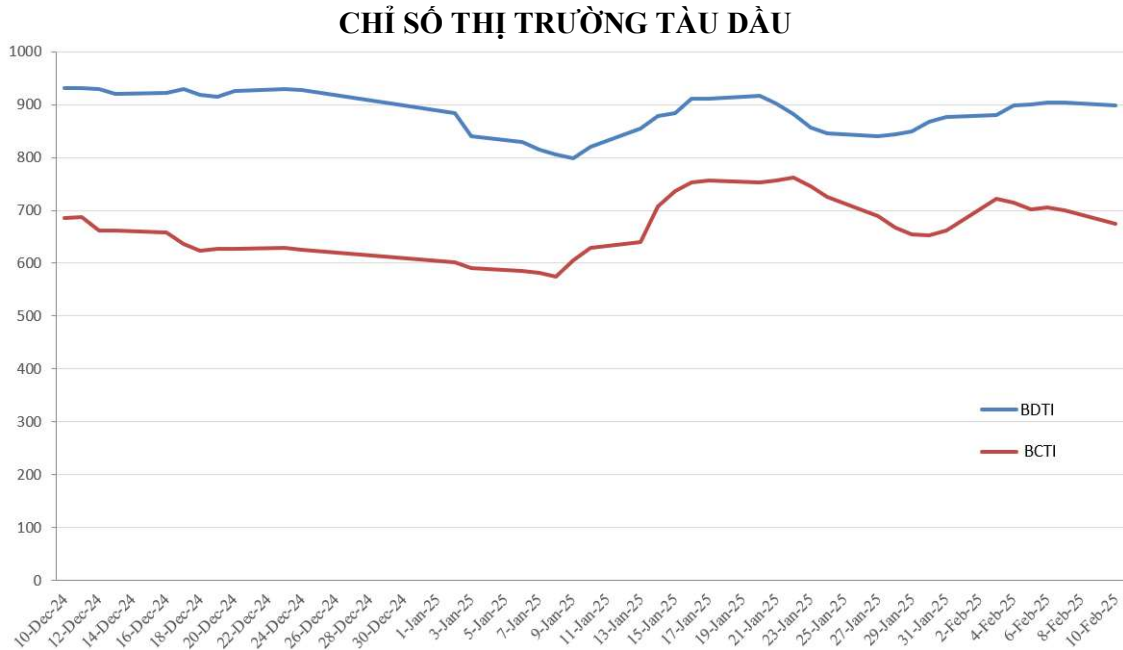
### 3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực Đông Nam Á đã có một tuần khá thú vị với nguồn cung tàu dồi dào và khối lượng hàng hóa khá tốt trên thị trường. Do đó, tâm lý thị trường đã được củng cố vào cuối tuần và cước cho tuyến Sing/ECA được chốt ở mức WS 175 – tăng 7,5 điểm so với tuần trước đó. Theo dự đoán, tuần tới có thể sẽ bắt đầu với tâm lý thị trường có phần trầm lắng hơn khi số lượng tàu tăng dần trong khi phần lớn số lượng hàng hóa hiện đã được ký kết trong tuần này. Thị trường MR tại khu vực UKC hiện không mấy khả quan, nguyên nhân do làn sóng đẩy mức cước lên cao đột biến vào thứ hai dựa trên các dự đoán về thuế quan của Tổng thống Trump, nhưng lại không có cơ sở vững chắc. Điều này đã dẫn đến việc cước hiện đang được ghi nhận ở mức WS 200 nhưng không thể duy trì được lâu và cũng không có hợp đồng thực tế nào được ký kết. Thị trường diễn ra trầm lắng suốt cả tuần và vào cuối tuần hiện cước đang được chốt ở mức WS 150. Bên cạnh đó, phân khúc tàu Handy tại khu vực Địa Trung Hải đang dần sôi động trở lại, với hơn 30 tàu đã được ký kết, đặc biệt khu vực Đông Địa Trung Hải đã đóng vai trò chính trong việc thúc đẩy khối lượng hàng hóa. Do đó, mức cước đã tăng lên mức WS 195 và WS 200 lần lượt cho các tàu xuất phát từ phía Tây và Đông. Theo ghi nhận, các chủ tàu đang có tâm lý vô cùng tích cực khi đã tăng được 40 điểm WS so với tuần trước và hy vọng sẽ duy trì được mức giá này vào tuần tới, tùy thuộc vào mức độ phân bổ tàu trong khu vực vào cuối tuần và đầu tuần mới.

**Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ**: Các giao dịch tại thị trường Châu Á tiếp tục xu hướng trầm lắng. Đối với các giao dịch đi khu vực phía Bắc, ngoài Hengyi và Petronas đã ký kết các hợp đồng vào tháng hai, không có nhiều các hoạt động khác đáng chú ý trên thị trường tàu chuyên tuyến trong tuần qua. Đơn cử, lô hàng 12.000 tấn Benzene đã được chốt ở mức 23 – 25 đô la Mỹ/tấn cho tuyến Muara đi trung Trung Quốc. Bên cạnh đó, các giao dịch đi hướng phía Nam cũng cùng xu hướng trên, ngay cả với hàng CSS một trong những hàng hóa dễ dàng được ký kết nếu đưa ra được mức cước cạnh tranh, trong tuần qua cũng chỉ ghi nhận hai đơn hàng 10.000 – 12.000 tấn nhưng đã không thể đạt được thỏa thuận cho các lịch tàu vào cuối tháng 2 và tháng đầu tháng 3, vì các nhà thuê tàu không thể chốt được hợp đồng mặc dù cước đang ở mức cạnh tranh quanh mức 28 – 30 đô la Mỹ/tấn. Đối với hàng dầu cọ, thị trường có vẻ đang dần ổn định hơn khi ghi nhận hàng hóa được yêu cầu báo cước vào các ngày cuối tháng 2 và đầu tháng 3. Tuy nhiên, mức cước vận chuyển vẫn thấp và có vẻ đang dần hướng về mức trước khi đại dịch Covid diễn ra. Các nhà giao dịch dầu cọ đang nỗ lực duy trì lợi nhuận bằng cách giảm mức cước vận chuyển.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 06/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 05/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	49,000	47,500	47,000	48,500	48,000	47,500
SUEZMAX	35,000	36,500	36,000	35,000	37,000	37,000
AFRAMAX	31,500	31,000	30,500	31,500	32,000	32,000
LR-2	30,500	32,500	30,000	31,000	32,000	31,000
LR-1	24,500	23,000	23,000	23,500	23,500	23,000
MR	21,500	21,000	20,500	22,000	21,500	21,500
HANDY	19,000	18,500	18,500	19,000	19,500	19,500



#### 4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

##### GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	440	▼ 10	460	▼ 10	470	▼ 10
2	Bangladesh	445	▼ 5	465	▼ 5	475	▼ 5
3	India	440	▼ 5	460	▼ 5	470	▼ 5
4	Turkey	280	▼ 30	290	▼ 30	300	▼ 30

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)



## MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 06/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
<b>Athina 1</b>	Tankers	1995	14,883	Pakistan	-	96,001	
<b>Athina 3</b>	Tankers	1988	9,969	India	478.00	39,977	
<b>East Pioneer</b>	Bulkers	1997	10,890	Bangladesh	455.00	72,940	
<b>Talent Blue</b>	Bulkers	2008	3,532	India	453.00	8,818	Incl 140mt FO and 15mt MGO
<b>Millenium Leader</b>	Tween	1996	4,493	-	421.00	11,285	As is Singapore
<b>Arel 2</b>	Tween	1983	972	Turkey	280.00	3,170	

**CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG**  
**PIONEER SHIPBROKERS**  
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: [snp@pioneershipbrokers.com.vn](mailto:snp@pioneershipbrokers.com.vn)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.  
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*